

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 17-9-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui và vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá.
2. Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 07 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị L**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã Thanh Tân, huyện Thanh trị, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:*

- 2.1 Bà **Nguyễn thị Phụng A**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

- 2.2 Ông **Trịnh Văn Út N**, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B1, xã Thanh Tân, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày:* Bà có tổ chức một số dây hui và trong thời gian tổ chức hui có vợ chồng bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N tham gia cụ thể: Dây hui tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 05/01/2017 dương lịch (dl) gồm có 31 phần, bà A và ông N tham gia 01 phần, hót hui ở lần thứ 5 ngày 05/5/2017 dl với số tiền hui là 62.500.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 2.000.000 đồng, còn nhận được số tiền 60.500.000 đồng. Sau khi hót hui bà A và ông N đóng hui chét được 22 lần, còn nợ lại 09 lần là 27.000.000 đồng. Bà A và ông N nhận tiền hót hui đều có làm biên nhận. Hiện dây hui này đã mất.

Ngoài ra bà có cho vợ chồng bà A và ông N vay số tiền cụ thể: Vào ngày 29/3/2016 dl vay 10.000.000 đồng và ngày 30/01/2018 dl vay số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận. Trong biên nhận không có ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng. Hai bên thỏa thuận đến ngày 02/3/2019 sẽ trả khoản tiền vay tổng cộng 25.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ gốc và lãi. Tổng cộng vợ chồng bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N còn thiếu bà tiền hụi và tiền vay là 52.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Phụng A và ông Út N trả một lần số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng; nợ vay ngày 29/3/2016 là 10.000.000 đồng và nợ vay ngày 30/01/2018 là 15.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 52.000.000. Đối với lãi suất bà rút lại không yêu cầu tính lãi nữa.

- *Bị đơn ông Trịnh Văn Út N trình bày:* Ông thừa nhận ông và vợ ông là bà Phụng A có thiếu tiền của bà Luôn tổng cộng tiền hụi và tiền vay là 52.000.000 đồng. Các khoản tiền này là do vợ ông tham gia hụi và vay của bà Luôn ông cũng biết nhưng không rõ việc tham gia hụi của vợ ông với bà Luôn như thế nào. Hiện vợ ông đang đi làm ở Đồng Nai, trước khi đi thì vợ ông cũng có nói lại với ông về các khoản nợ này. Ông với bà Phụng A cưới nhau khoảng năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn, hai vợ chồng có 02 đứa con hiện đã trưởng thành. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông yêu cầu trả dần cho bà Luôn mỗi tháng với số tiền 1.500.000 đồng và không đồng ý yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với các khoản tiền nêu trên. Hiện ông đang trả cho bà Luôn ngày 100.000 đồng đối với đây hụi khác nhưng không có khả năng nên ngưng trả.

- *Bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A trình bày theo tờ đơn xin gia hạn ngày 11/07/2019:* Do hoàn cảnh khó khăn, kinh tế sa sút, bà phải đi làm ăn xa nên không có đóng hụi cho bà Luôn đúng theo thỏa thuận. Chồng bà là Trịnh Văn Út N ở nhà mua bán sinh sống qua ngày và có thỏa thuận với bà Luôn là tổng tiền hụi chết phải đóng, tiền vay vốn và thỏa thuận là ngày trả cho bà Luôn 100.000 đồng. Nay bà yêu cầu cho bà thời gian để làm trả nợ cho bà Luôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng. Về phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi và tiền vay còn thiếu, đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú ấp B1, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng góp*

hụi và vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng bà A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/3/2016 âl, vay 15.000.000 đồng ngày 30/01/2018 âl. Xét thấy, việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi và tiền vay còn thiếu 52.000.000 đồng. Bị đơn ông Trịnh Văn Út N thừa nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ nguyên đơn bà Lý Thị L số tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 52.000.000 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại Khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn ông Út N yêu cầu cho vợ chồng ông trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền hụi chết chưa góp và tiền vay, tổng cộng 52.000.000 đồng là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường “*Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có*” và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[5] Mọi quan hệ giữa bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N là vợ, chồng cư trú ổn định tại ấp B1, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Việc tham gia hụi và vay mặc dù bà A tham gia nhưng ông Út N đều biết. Tiền hốt hụi và tiền vay mục đích để phục vụ nhu cầu thiết trong cuộc gia đình hằng ngày và đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà A và ông N có trách nhiệm cùng trả nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Từ những phân tích nêu trên và xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N liên đới trả tiền nợ hụi và tiền vay còn thiếu tổng cộng 52.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.600.000 đồng theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lý Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ hội, biểu phường; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lý Thị L tổng số tiền còn nợ là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi các khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/3/2016 ãl và vay 15.000.000 đồng ngày 30/01/2018 ãl.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Toàn